



hǎo jiā huo
好家伙

interjection · my God!

Example Sentences

hǎo jiā huo zhè cài zhēn là
好家伙，这菜真辣！

My God, this dish is really spicy!

hǎo jiā huo tā yī gè rén chī le shí gè bāo zi
好家伙，他一个人吃了十个包子。

My God, he ate ten buns by himself.

hǎo jiā huo zhè liàng chē pǎo de zhēn kuài
好家伙，这辆车跑得真快！

My God, this car runs really fast!

Trace each character, then write the word on your own.

好	好	好	好	好	好	好	好	好		
家	家	家	家	家	家	家	家	家	家	家
家	家									
伙	伙	伙	伙	伙	伙	伙	伙	伙		